

BẢNG TỔNG HỢP
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT TIÊU CHUẨN PHÙ HỢP VỚI TRẺ EM NĂM 2022
(Kèm theo Báo cáo số: 04 /BC-UBND ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh Gia Lai)

| STT | Huyện, thị xã, thành phố | Số xã, phường, thị trấn | Xã, phường đạt tiêu chuẩn XPPHTE | Tỷ lệ đạt |
|-------------------|--------------------------|-------------------------|----------------------------------|-----------|
| 1 | Huyện Phú Thiện | 10 | 6 | 60% |
| 2 | Huyện Chư Păh | 14 | 7 | 50% |
| 3 | Huyện Đak Pơ | 8 | 4 | 50% |
| 4 | Thành phố Pleiku | 22 | 12 | 54,54% |
| 5 | Thị xã An Khê | 11 | 6 | 54,54% |
| 6 | Huyện Kông Chro | 14 | 5 | 35,71% |
| 7 | Huyện Krông Pa | 14 | 10 | 71,42% |
| 8 | Huyện Mang Yang | 12 | 5 | 41,66% |
| 9 | Huyện Kbang | 14 | 5 | 35,71% |
| 10 | Huyện Đức Cơ | 10 | 6 | 60% |
| 11 | Huyện Chư Sê | 15 | 3 | 20% |
| 12 | Huyện Chư Prông | 20 | 3 | 15% |
| 13 | Huyện Chư Pưh | 9 | 7 | 77,77% |
| 14 | Huyện Ia Pa | 9 | 7 | 77,77% |
| 15 | Huyện Ia Grai | 13 | 11 | 84,61% |
| 16 | Huyện Đak Đoa | 17 | 0 | 0% |
| 17 | Thị xã Ayun Pa | 8 | 8 | 100% |
| TỔNG CỘNG: | | 220 | 105 | |

Ngan